

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 (2025 – 2026)
MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 11**

HÌNH THỨC: 70% TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm), 30% TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Trong đó, phần Trắc nghiệm bao gồm:

+ Dạng thức I (24 câu TNKQ: 6,0 điểm)

+ Dạng thức II (1 câu TN đúng/sai gồm 4 ý hỏi: 1,0 điểm)

Bài 15: Vị trí địa lí. điều kiện tự nhiên, dân cư xã hội khu vực Tây Nam Á
Bài 16: Kinh tế khu vực Tây Nam Á
Bài 18: Vị trí địa lí. điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ
Bài 19: Kinh tế Hoa Kỳ
Bài 20: Vị trí địa lí. điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Liên bang Nga
Bài 21: Kinh tế Liên bang Nga
Kỹ năng: sử dụng bảng số liệu, vẽ biểu đồ, nhận dạng biểu đồ,...

BÀI 15:

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI KHU VỰC TÂY NAM Á

I. Phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí

◆ Đặc điểm

- **Phạm vi:** Tây Nam Á gồm 20 quốc gia có diện tích đất khoảng 7 triệu km².

- Vị trí địa lí:

+ Nằm ở phía tây nam của châu Á, trong khoảng vĩ độ từ 12°B đến 42°B và trong khoảng kinh độ từ 27°Đ đến 73°Đ, vị trí được ví như cầu nối giữa ba châu lục: châu Á, châu Âu và châu Phi, ở vị trí tiếp xúc của các mảng kiến tạo lớn, trên vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải.

+ Tiếp giáp với nhiều biển và vịnh biển (Biển Đỏ, biển Aráp, vịnh Pécxích, Địa Trung Hải, Biển Đen), thông ra Đại Tây Dương ở phía bắc và Ấn Độ Dương ở phía nam.

◆ Ảnh hưởng

- Tạo nên một khu vực Tây Nam Á có khí hậu chủ yếu là khô nóng nhưng có tài nguyên khoáng sản phong phú.

- Tây Nam Á có vị trí địa chính trị quan trọng do:

+ Nằm giữa ba châu lục;

+ Án ngữ các tuyến đường giao thông quan trọng bậc nhất thế giới;

+ Có tuyến đường biển huyết mạch dẫn đến các mỏ dầu khí trữ lượng lớn của các quốc gia vùng vịnh Pécxích.

Vùng hoang mạc, đất chủ yếu là đất xám hoang mạc và bán hoang mạc, không thuận lợi cho canh tác.

2. Khí hậu

◆ Đặc điểm

- Nằm trong đới khí hậu cận nhiệt và đới khí hậu nhiệt đới, với kiểu khí hậu lục địa là chủ yếu nên khô nóng vào mùa hè, khô lạnh vào mùa đông.

- Khí hậu có sự phân hóa theo chiều bắc - nam.

+ Vùng phía bắc có khí hậu cận nhiệt: ven Địa Trung Hải có lượng mưa trung bình năm khoảng 500 mm, càng vào sâu trong lục địa lượng mưa càng giảm.

+ Vùng phía nam có khí hậu nhiệt đới, chênh lệch nhiệt độ giữa hai mùa và giữa ngày - đêm lớn, lượng mưa trung bình dao động từ 100 - 300 mm/năm.

- Ở các khu vực miền núi, sơn nguyên khí hậu phân hóa theo độ cao.

◆ Ảnh hưởng

- Khí hậu Tây Nam Á ít thuận lợi cho cư trú và trồng trọt.

- Vùng ven biển khí hậu thuận lợi hơn cho hoạt động trồng trọt và cư trú.

3. Sông, hồ

- Sông:

+ Mạng lưới sông ngòi thưa thớt và phần lớn bắt nguồn từ vùng núi và sơn nguyên ở phía bắc.

+ Hai con sông lớn Ti-grơ (dài 1900 km) và Ô-phrát (dài 2800 km) hình thành nên đồng bằng màu mỡ thuận lợi cho canh tác nông nghiệp, đây cũng là nơi phát triển nền văn minh Lưỡng Hà cổ đại.

+ Các con sông khác ít nước, thường chỉ có nước vào mùa mưa gây nên tình trạng thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt.

- **Hồ:** các hồ lớn và có giá trị là: hồ Van (Thổ Nhĩ Kỳ), hồ Ga-li-lê (Ixraen), Biển Chết.

- **Nước ngầm** là nguồn cung cấp nước quan trọng cho các quốc gia khu vực Tây Nam Á. Tuy nhiên nguồn nước ngầm trong khu vực thường nằm ở độ sâu lớn, khó khai thác.

4. Khoáng sản

- Khu vực Tây Nam Á sở hữu trên 50% trữ lượng Dầu mỏ và khoảng 40% trữ lượng khí tự nhiên của thế giới (năm 2020), tập trung ở các quốc gia vùng vịnh Pécxích. Dầu khí là động lực phát triển kinh tế của nhiều quốc gia trong khu vực; tuy nhiên, đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp kéo dài.

- Ngoài ra, Tây Nam Á còn có những tài nguyên khoáng sản khác như than đá, sắt, crôm, đồng, phốt phát,....

BẢNG 15.1. TRỮ LƯỢNG DẦU MỎ VÀ KHÍ TỰ NHIÊN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA KHU VỰC TÂY NAM Á NĂM 2020

Quốc gia Trữ lượng	Quốc gia					
	A-rập Xê-út	I-ran	I-rắc	Cô-oét	Các Tiểu vương quốc A-rập Thống nhất	Ca-ta
Dầu mỏ (<i>tỉ tấn</i>)	40,9	21,7	19,6	14,0	13,0	2,6
- So với thế giới (%)	17,2	9,1	8,4	5,9	5,6	1,5
Khí tự nhiên (<i>nghìn tỉ m³</i>)	6,0	32,1	3,5	1,7	5,9	24,7
- So với thế giới (%)	3,2	17,1	1,9	0,9	3,2	13,1

(Nguồn: Tập đoàn dầu khí BP, 2022)

5. Sinh vật

- Sinh vật của khu vực Tây Nam Á nghèo nàn.

+ Hoang mạc và bán hoang mạc là cảnh quan điển hình của khu vực này nên thực vật chủ yếu là cây bụi gai, động vật phần lớn là các loài bò sát và gặm nhấm nhỏ.

+ Khu vực ven Địa Trung Hải có rừng lá cứng.

- Tây Nam Á có một số khu bảo tồn, vườn quốc gia nhằm bảo tồn nguồn gen và có giá trị phát triển du lịch như: Ein Adat (Ixraen), Khu bảo tồn sa mạc Dubai (Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất)....

6. Biển

- Tây Nam Á tiếp giáp nhiều biển, bao gồm: Địa Trung Hải, Biển Đen, Biển Đỏ, biển Ả-rập, là điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển.

- Tuyến đường biển từ Địa Trung Hải qua Biển Đỏ đến Ấn Độ Dương là tuyến đường thương mại trên biển quan trọng. Thông qua Biển Đen và biển Caxpi, khu vực Tây Nam Á dễ dàng kết nối với các khu vực khác của châu Á và các nước châu Âu.

- Ngoài ra, một số vùng biển có thể phát triển ngành thủy sản và du lịch biển.

III. Dân cư và xã hội

1. Dân cư

◆ Đặc điểm

- **Quy mô dân số:** là khu vực ít dân. Năm 2020, số dân của khu vực là 402,5 triệu người, chiếm 5,2% số dân toàn thế giới.

- **Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên:** khá cao (1,6% năm 2020).

- Thành phần dân cư:

+ Phần lớn dân cư khu vực Tây Nam Á là người Ả-rập (hơn 50% số dân).

+ Ngoài ra còn có các dân tộc khác như Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư, Do Thái, Cuốc,...

- Cơ cấu dân số:

+ Tây Nam Á có tỉ lệ nam nhiều hơn nữ trong tổng số dân và có xu hướng tăng. Nhiều quốc gia đứng đầu thế giới về tỉ lệ nam nhiều hơn nữ như: Cata, Các Tiểu vương quốc Ảrập Thống nhất, Ôman, Baranh, Ảrập Xêút.

+ Tây Nam Á có cơ cấu dân số trẻ, nhiều quốc gia trong khu vực đang bước vào thời kì cơ cấu dân số vàng.

- **Mật độ dân số:** mật độ dân số khá thấp (khoảng 60 người/km², năm 2020) và có sự chênh lệch giữa các vùng, các quốc gia. Vùng phía bắc, đồng bằng, ven biển và những vùng khai thác dầu mỏ quan trọng là những nơi tập trung đông dân nhất.

- **Tỉ lệ dân thành thị** cao, năm 2020 là 72% (trung bình thế giới là 56,2%).

+ Các quốc gia có tỉ lệ dân thành thị cao nhất là Côoét (100%), Ixraen (92,6%), Gioócđani (91,4%);

+ Quốc gia có tỉ lệ dân thành thị hấp nhất là Yêmen (37,9%).

+ Các thành phố lớn nhất của khu vực là Ixtanbun (Thổ Nhĩ Kỳ), Bátđã (I-rắc), Têhêran (Iran), Riat (Arập Xêút)

◆ Ảnh hưởng

- Cơ cấu dân số trẻ nên có lực lượng lao động dồi dào. Đây là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế.

- Các thành phố là những trung tâm kinh tế phát triển, thu hút dân cư và lao động.

2. Xã hội

◆ Đặc điểm

- Là nơi khởi nguồn của ba tôn giáo chính là Do Thái giáo, Kitô giáo và Hồi giáo. Hồi giáo là tôn giáo phổ biến trên toàn khu vực.

- Là nơi xuất hiện của một trong những nền văn minh cổ đại, cũng là nơi có nhiều di sản vật thể và phi vật thể nổi tiếng thế giới được UNESCO công nhận như: thành cổ Pêtra (Gioócđani), thành cổ Shibam (Yêmen), thành phố di sản Samara (I-rắc),...

Chất lượng cuộc sống dân cư trong khu vực ngày càng nâng cao nhưng có sự phân hóa giữa các nước, các nhóm dân cư trong một nước.

- Tây Nam Á có các xung đột sắc tộc, tôn giáo,... xảy ra trong một số gia hoặc giữa các quốc gia, đồng thời chịu sự can thiệp của một số cường quốc trên thế giới.

BẢNG 15.3. TUỔI THỌ TRUNG BÌNH VÀ SỐ NĂM ĐI HỌC TRUNG BÌNH CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA
KHU VỰC TÂY NAM Á NĂM 2000 VÀ NĂM 2020

Quốc gia	Tuổi thọ trung bình (năm)		Số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên (năm)	
	Năm 2000	Năm 2020	Năm 2000	Năm 2020
I-xra-en	79,8	82,4	10,6	13,3
Các Tiểu vương quốc A-rập Thống nhất	74,4	78,9	8,4	12,7
I-ran	69,7	74,8	8,5	10,6
Y-ê-men	62,6	64,7	1,2	3,2

(Nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

◆ Ảnh hưởng

- Có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch.
- Tình hình chính trị bất ổn đã tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

BÀI 16: KINH TẾ KHU VỰC TÂY NAM Á

1. Quy mô

- Quy mô GDP tăng liên tục trong giai đoạn 2000 - 2020. Năm 2020, GDP toàn khu vực là 3184,4 tỉ USD, chiếm 3,7% GDP toàn cầu.

Quy mô GDP theo giá hiện hành của khu vực Tây Nam Á và thế giới giai đoạn 2000 – 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

	2000	2005	2010	2015	2020
Tây Nam Á	1083.1	1613.4	3260.9	3417.9	3184.2
Thế giới	33830.9	47779.7	66596.1	75179.2	84906.8

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

- Quy mô GDP giữa các quốc gia có sự khác biệt rất lớn. Sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các quốc gia khu vực Tây Nam Á chủ yếu do: Sự khác biệt về tài nguyên thiên nhiên (đặc biệt là dầu mỏ), lịch sử phát triển, và chính sách kinh tế của từng quốc gia.

2. Tăng trưởng kinh tế

- Thế kỉ XX, nhiều quốc gia khu vực Tây Nam Á chuyển từ nền kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp và hàng thủ công sang nền kinh tế dựa vào ngành công nghiệp dầu khí. Hiện nay, sự tăng trưởng kinh tế của khu vực có nhiều biến động do ảnh hưởng từ sự bất ổn xã hội, cuộc chiến giá dầu,...

- Bước sang thế kỉ XXI, một số quốc gia giảm dần sự lệ thuộc vào dầu khí và chuyển dịch theo hướng phát triển nền kinh tế tri thức, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển.

Tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực Tây Nam Á và thế giới giai đoạn 2010 – 2020

	2010	2015	2020
Tây Nam Á	6.0	1.1	- 6.3
Thế giới	4.5	3.0	- 3.3

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

3. Cơ cấu kinh tế

- Ngành nông nghiệp:

+ Chiếm khoảng 10% GDP và 25% lực lượng lao động của khu vực (năm 2020).

+ Sản xuất nông nghiệp của khu vực Tây Nam Á tương đối khó khăn do khí hậu khô hạn, diện tích đất canh tác ít.

+ Các quốc gia có nền nông nghiệp tiên tiến, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao như Iraen, Các Tiểu vương quốc Ảrập Thống nhất, Thổ Nhĩ Kỳ....

- Ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm hơn 80% GDP và có xu hướng tăng.

II. Một số hoạt động kinh tế nổi bật

1. Nông nghiệp

- **Trồng trọt:**

+ Các sản phẩm trồng trọt chính là cây lương thực (lúa gạo, lúa mì), cây công nghiệp (bông, thuốc lá, cà phê, ôliu,...), cây ăn quả,...

+ Các quốc gia có ngành trồng trọt phát triển nhất là Thổ Nhĩ Kỳ, Iran, Irắc, Ảrập Xêút, Ixraen,...

- **Chăn nuôi:** kém phát triển.

+ Chăn thả vẫn là hình thức chăn nuôi phổ biến trong khu vực.

+ Các quốc gia có diện tích đồng cỏ rộng lớn để phát triển chăn nuôi gia súc (bò, dê, cừu,...) là Ảrập Xêút, Xiri, Yêmen, Iran, Ápganixtan, Thổ Nhĩ Kỳ,...

- **Khai thác và nuôi trồng thủy sản** được phát triển ở ven Địa Trung Hải (Thổ Nhĩ Kỳ), Biển Đỏ (Arab Xêút), vịnh Pécxích (Ôman),...

2. Công nghiệp

- Công nghiệp chiếm hơn 40% GDP của Tây Nam Á (năm 2020).

- Một số ngành công nghiệp tiêu biểu:

+ Công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí là ngành then chốt và đóng góp lớn vào quy mô GDP của nhiều quốc gia Tây Nam Á.

+ Công nghiệp dệt, may phát triển khá do có nguồn nguyên liệu bông từ Thổ Nhĩ Kỳ, Xiri, Iran, Irắc.

+ Công nghiệp thực phẩm và sản xuất hàng tiêu dùng chưa thực sự phát triển nên phải nhập khẩu nhiều thực phẩm và hàng tiêu dùng.

3. Dịch vụ

◆ **Tình hình phát triển:** Dịch vụ đóng góp hơn 40% giá trị GDP của khu vực Tây Nam Á và có xu hướng tăng.

◆ **Một số ngành dịch vụ:**

- Khu vực Tây Nam Á có vị trí địa lí rất thuận lợi để phát triển giao thông quốc tế.

+ Hàng hải là một thế mạnh của khu vực với các cảng lớn là Ten Avíp (Ixraen), En Côoét (Côoét), Ixtanbun (Thổ Nhĩ Kỳ), Ađen (Y-ê-men)....

+ Đường hàng không là loại hình giao thông chính trong khu vực, các sân bay lớn nhất là Dubai (Các Tiểu vương quốc Arab Thống nhất), Đôha (Cata), Ancara (Thổ Nhĩ Kỳ), Bacu (Adécbaigian).

- Thương mại:

+ Hoạt động ngoại thương nổi bật nhất là xuất khẩu dầu khí với hơn 2/3 các mặt hàng xuất khẩu là nhiên liệu, dầu nhờn và các sản phẩm hoá chất; đối tác thương mại chủ yếu của khu vực là các nước châu Á, EU, Hoa Kỳ.

+ Mặt hàng nhập khẩu chính là nguyên liệu thô, nông sản,...

- Du lịch:

+ Nhiều quốc gia Tây Nam Á thu hút được số lượng lớn du khách do đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và có những chính sách khuyến khích phát triển du lịch.

+ Tổng lượng khách du lịch đến Tây Nam Á năm 2019 là 146 triệu, trong đó đứng đầu là Thổ Nhĩ Kỳ (45 triệu).

BÀI 18: VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, VÀ DÂN CƯ HOA KỲ

I. Vị trí địa lí

◆ Đặc điểm

*** Phạm vi lãnh thổ**

- Diện tích rộng lớn, khoảng 9,5 triệu Km².

- Lãnh thổ Hoa Kỳ bao gồm: phần lãnh thổ trung tâm Bắc Mỹ, bán đảo A-la-xca và quần đảo Ha-oai.

+ *Phần trung tâm Bắc Mỹ*: diện tích khoảng 8 triệu km², chiều bắc - nam kéo dài từ khoảng vĩ độ 25°B đến vĩ độ 49°B, chiều đông - tây từ khoảng kinh độ 125°T đến kinh độ 67°T.

+ *Bán đảo A-la-xca*: ở tây bắc châu Mỹ, có diện tích hơn 1,5 triệu km².

+ *Quần đảo Ha-oai* nằm giữa Thái Bình Dương với diện tích hơn 16 nghìn km².

*** Vị trí địa lí:**

- Nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, cách xa các trung tâm kinh tế khác;

- Vị trí tiếp giáp:

+ Phía bắc: giáp Ca-na-đa và Bắc Băng Dương;

+ Phía đông: giáp Đại Tây Dương;

+ Phía tây: giáp Thái Bình Dương;

+ Phía nam: giáp Mê-hi-cô.

◆ Ảnh hưởng

- Lãnh thổ rộng lớn, thiên nhiên phân hóa, tạo điều kiện phát triển kinh tế đa dạng.

- Vị trí địa lí đã tạo điều kiện thuận lợi cho Hoa Kỳ giao lưu, phát triển kinh tế:

+ Dễ dàng giao lưu với các nước khác trên thế giới bằng đường biển;

+ Tiếp giáp Ca-na-đa và Mê-hi-cô là những quốc gia có nguồn tài nguyên phong phú, đồng thời là những thị trường tiêu thụ rộng lớn.

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

1. Địa hình và đất

◆ **Phần lãnh thổ trung tâm Bắc Mỹ:** địa hình đa dạng và phân hóa từ tây sang đông:

* **Khu vực phía tây:**

- *Miền núi Coóc-đi-e:*

+ Có nhiều dãy núi trẻ, cao trung bình trên 3.000 m. Xen giữa các dãy núi là các bồn địa và cao nguyên, hoang mạc và bán hoang mạc => địa hình không thuận lợi cho giao thông và cư trú nhưng có nhiều cảnh đẹp.

+ Chủ yếu là đất đỏ nâu, đất xám hoang mạc và bán hoang mạc.

- *Vùng ven Thái Bình Dương:*

+ Có các thung lũng và đồng bằng nhỏ hẹp.

+ Đất đai màu mỡ, thuận lợi để trồng trọt, chăn nuôi.

* **Khu vực phía đông:**

- Vùng núi A-pa-lát: là dãy núi già, độ cao trung bình 1000 - 1500 m, có nhiều thung lũng rộng => thuận lợi cho cư trú và sản xuất nông nghiệp.

- Đồng bằng ven biển Đại Tây Dương có diện tích khá lớn và bằng phẳng. Đất phù sa màu mỡ, thích hợp trồng cây lương thực, cây ăn quả

*** Vùng đồng bằng ở giữa:**

+ Địa hình gồm: đồng bằng Trung tâm, đồng bằng Lớn, đồng bằng ven vịnh Mê-hi-cô.

+ Các loại đất chủ yếu là: đất đen, đất phù sa, đất nâu xám rừng lá rộng... nhìn chung thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và cư trú.

◆ Bán đảo A-la-xca:

- Địa hình rất đa dạng: nhiều dãy núi trẻ xen kẽ các đồng bằng.

- Địa hình chia cắt, không thuận lợi cho giao thông và cư trú.

◆ Quần đảo Ha-oai:

- Có nguồn gốc núi lửa, trong đó một số núi lửa còn hoạt động.

- Địa hình chủ yếu là đồi núi, các dạng địa hình bờ biển,... thuận lợi để phát triển du lịch.

2. Khí hậu

◆ Đặc điểm

- Phân hóa đa dạng thành nhiều đới, kiểu khí hậu khác nhau.

+ Phần lãnh thổ phía bắc chủ yếu nằm trong đới khí hậu ôn đới với hai kiểu khí hậu chính là ôn đới lục địa và ôn đới hải dương.

+ Phần lãnh thổ phía nam chủ yếu nằm trong đới khí hậu cận nhiệt, với hai kiểu khí hậu chính là cận nhiệt địa trung hải và cận nhiệt hải dương.

+ Bán đảo A-la-xca có khí hậu cận cực;

+ Quần đảo Ha-oai có khí hậu nhiệt đới.

- Ở các vùng núi cao, khí hậu có sự phân hóa theo độ cao.

◆ Ảnh hưởng

- Thuận lợi:

+ Thuận lợi cho sản xuất và cư trú.

+ Sự phân hóa khí hậu tạo thuận lợi cho nông nghiệp có cơ cấu cây trồng và vật nuôi đa dạng, gồm các sản phẩm nông nghiệp, cận nhiệt và ôn đới.

- Khó khăn: Hoa Kỳ cũng có nhiều thiên tai như bão nhiệt đới, bão tuyết, vòi rồng, lốc xoáy, mưa đá,... ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống.

3. Sông, hồ

◆ Đặc điểm:

- Sông:

+ Có nhiều sông lớn như: Mi-xi-xi-pi, Mit-xu-ri, Cô-lô-ra-đô, Cô-lum-bi-a...

+ Các sông chủ yếu chảy ra Đại Tây Dương và Thái Bình Dương;

+ Chế độ nước sông phức tạp do có nhiều nguồn cung cấp nước khác nhau.

- Có nhiều hồ lớn. Đặc biệt, vùng Ngũ Hồ nằm ở biên giới giữa Hoa Kỳ với Ca-na-đa là một hệ thống gồm 5 hồ với tổng diện tích khoảng 245000 km².

◆ Ảnh hưởng:

- Các sông ở Hoa Kỳ có giá trị về nhiều mặt: thủy lợi, giao thông, thủy điện, du lịch...

- Các hồ ở Hoa Kỳ có vai trò quan trọng trong việc điều hoà khí hậu, cung cấp nước cho sinh hoạt, giao thông, đánh cá, du lịch,...

4. Sinh vật

- Thảm thực vật đa dạng, thay đổi từ bắc xuống nam và từ tây sang đông:

+ Đài nguyên và đài nguyên rừng phân bố ở A-la-xca.

+ Rừng lá kim chủ yếu ở phía tây, ven Thái Bình Dương. Rừng lá rộng phân bố ở phía đông, ven Đại Tây Dương.

+ Khu vực phía tây nam phát triển rừng lá cứng.

- Tổng diện tích rừng của Hoa Kỳ năm 2020 là 309,8 triệu ha, chiếm 7,6% diện tích rừng thế giới, là cơ sở để phát triển các ngành lâm nghiệp, công nghiệp chế biến lâm sản,...

- Động vật tự nhiên ở Hoa Kỳ đa dạng, các loài tiêu biểu là: Đại bàng đầu trắng, bò Bi-dông, gấu nâu,...

5. Khoáng sản

◆ Đặc điểm:

- Tài nguyên khoáng sản phong phú và giàu có bậc nhất thế giới với đầy đủ các nhóm khoáng sản quan trọng:

+ Khoáng sản năng lượng (than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên,...) tập trung ở phía đông bắc và ven vịnh Mê-hi-cô;

+ Kim loại đen (sắt, crôm, mô-líp-đen,..) phân bố ở phía nam vùng Ngũ Hồ, kim loại màu (đồng, vàng, chì - kẽm,...) phân bố chủ yếu ở phía tây;

+ Khoáng sản phi kim loại (phốt phát,..) phân bố rải rác ở phía tây và phía đông nam.

- Nhiều loại khoáng sản của Hoa Kỳ có trữ lượng hàng đầu thế giới.

◆ **Ảnh hưởng:** là cơ sở để Hoa Kỳ phát triển ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản.

6. Biển

◆ Đặc điểm:

- Tiếp giáp với hai đại dương lớn là Đại Tây Dương và Thái Bình Dương, với các biển, vịnh biển lớn như: vịnh Mê-hi-cô, vịnh A-la-xca, biển Xác-gát,...

- Ven biển có nhiều vịnh và bãi biển đẹp.

- Thềm lục địa chứa nguồn tài nguyên khoáng sản lớn, đặc biệt là dầu mỏ và khí tự nhiên. Tài nguyên sinh vật biển phong phú, nhiều loài có giá trị kinh tế cao.

◆ **Ảnh hưởng:** Là tài nguyên quan trọng đối với Hoa Kỳ, đây là cơ sở để phát triển nhiều ngành kinh tế biển, như: khai thác và nuôi trồng thủy sản; du lịch biển, vận tải biển; khai thác khoáng sản,...

III. Dân cư

1. Quy mô và cơ cấu dân số

◆ Đặc điểm

- Là nước đông dân, đứng thứ ba trên thế giới (331,5 triệu người, năm 2020).

- Cơ cấu dân số già:

+ Tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên có xu hướng tăng.

+ Người trong nhóm tuổi lao động chiếm tỉ lệ cao.

◆ Đặc điểm

- Là nước đông dân, đứng thứ ba trên thế giới (331,5 triệu người, năm 2020).

- Cơ cấu dân số già:

+ Tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên có xu hướng tăng.

+ Người trong nhóm tuổi lao động chiếm tỉ lệ cao.

◆ Ảnh hưởng

- Dân số đông tạo nên nguồn lao động và thị trường tiêu thụ lớn, thúc đẩy kinh tế phát triển.

- Người trong nhóm tuổi lao động chiếm tỉ lệ cao, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế nhưng cũng nảy sinh những khó khăn như: giải quyết việc làm,...

- Tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên có xu hướng tăng làm gia tăng chi phí cho y tế và phúc lợi xã hội....

2. Chủ tộc và vấn đề nhập cư

◆ Đặc điểm:

Dân cư Hoa Kỳ gồm nhiều chủng tộc và dân tộc đến từ khắp nơi trên thế giới với nhiều phong tục, tập quán khác nhau.

- Trong lịch sử, Hoa Kỳ là đất nước của những người nhập cư.

- + Chủ nhân đầu tiên của Hoa Kỳ là người Anh-điêng.
- + Thế kỉ XVII, người châu Âu đến định cư, sau đó họ đưa người châu Phi sang làm việc trong các đồn điền.
- + Nửa sau thế kỉ XIX, người châu Á đến Hoa Kỳ định cư.
- + Sang thế kỉ XX, người nhập cư tới Hoa Kỳ từ khắp nơi trên thế giới.

◆ Ảnh hưởng

- Sự phong phú, đa dạng về chủng tộc, dân tộc đã hình thành nên một nền văn hóa đa dạng, góp phần tạo nên sự phong phú, linh hoạt trong đời sống và kinh tế - xã hội nhưng cũng gây khó khăn nhất định trong việc quản lí xã hội.

Người nhập cư đến từ các châu lục khác nhau và đem lại cho Hoa Kỳ nguồn lao động có trình độ cao, giàu kinh nghiệm sản xuất.

3. Phân bố dân cư

Mật độ dân số trung bình năm 2020 của Hoa Kỳ là 35 người/km², thuộc loại thấp so với thế giới.

- Phân bố dân cư ở Hoa Kỳ không đều:

+ Dân cư tập trung đông ở các bang ven biển, đặc biệt là ven Đại Tây Dương;

+ Dân cư thưa thớt ở các bang nội địa và vùng núi phía tây.

- Hoa Kỳ có trình độ đô thị hoá cao.

+ Năm 2020, tỉ lệ dân thành thị của Hoa Kỳ là 82,7%.

+ Dân cư không tập trung quá đông ở đô thị trung tâm mà chủ yếu sống ở vùng phụ cận và các đô thị vệ tinh.

+ Các đô thị lớn của Hoa Kỳ là: Niu Oóc; Lốt An-giơ-lét; Si-ca gô; Hao-xton....

BÀI 19: KINH TẾ HOA KỲ

I. Nền kinh tế hàng đầu thế giới

1. Biểu hiện

- Quy mô GDP của Hoa Kỳ lớn nhất thế giới, GDP bình quân đầu người cao hàng đầu thế giới (hơn 63 nghìn USD năm 2020).
- Kinh tế Hoa Kỳ có cơ cấu rất đa dạng. Dịch vụ chiếm tỉ trọng rất cao trong cơ cấu GDP. Hiện nay, Hoa Kỳ đang tập trung vào các lĩnh vực có trình độ khoa học - công nghệ cao, hoạt động nghiên cứu và phát triển.
- Nền kinh tế Hoa Kỳ có ảnh hưởng lớn tới kinh tế các nước trên thế giới.
- + Những biến động lớn của nền kinh tế Hoa Kỳ trong các lĩnh vực thị trường tài chính, xuất nhập khẩu,... đều tác động tới kinh tế thế giới.
- + Nhiều lĩnh vực kinh tế của Hoa Kỳ đứng đầu và mang tính dẫn dắt đối với kinh tế thế giới, như: công nghệ thông tin, hàng không - vũ trụ, dược phẩm,...
- + Nhiều sản phẩm kinh tế của Hoa Kỳ đứng đầu thế giới về quy mô và giá trị.
- + Hoa Kỳ có vai trò quan trọng trong nhiều tổ chức, diễn đàn kinh tế của thế giới.

2. Nguyên nhân

- Kinh tế Hoa Kỳ phát triển mạnh là nhờ các nguyên nhân sau:
- + Vị trí địa lý thuận lợi cho giao lưu, trao đổi hàng hóa.
- + Tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- + Nguồn lao động dồi dào, có trình độ kỹ thuật, năng suất lao động cao.
- + Tham gia toàn cầu hoá kinh tế, phát triển nền kinh tế tri thức từ sớm, kinh tế thị trường phát triển ở mức độ rất cao.
- + Quá trình sản xuất luôn gắn liền với nghiên cứu khoa học - kỹ thuật.

II. Các ngành kinh tế

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Hoa Kỳ có nền nông nghiệp phát triển bậc nhất thế giới.

- Tuy chỉ chiếm 0,9% GDP và sử dụng gần 1% tổng số lao động của cả nước nhưng sản xuất nông nghiệp của Hoa Kỳ vẫn tạo ra khối lượng sản phẩm đứng hàng đầu thế giới.

a) Nông nghiệp

- Nông nghiệp có quy mô lớn, năng suất cao.

- Hình thức sản xuất chủ yếu là các trang trại với quy mô rất lớn, chủ yếu sử dụng máy móc và kỹ thuật hiện đại.

- Các cây trồng chính là lúa mì, lúa gạo, ngô, đậu tương, cây ăn quả.... các vật nuôi chính là bò, lợn, gia cầm,.

- Hoa Kỳ là nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới.

- Vị trí phân bố một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu:

+ Phía nam Ngũ Hồ là vùng chuyên canh cây thực phẩm, chăn nuôi bò sữa.

+ Đồng bằng Trung tâm chuyên canh lúa mì, ngô....

+ Phía nam và ven vịnh Mê-hi-cô, trồng lúa gạo, bông, đậu tương, cây ăn quả.

+ Đồng bằng Lớn chăn nuôi bò thịt,....

b) Lâm nghiệp

- Có quy mô lớn và mang tính công nghiệp. Sản lượng gỗ tròn của Hoa Kỳ lớn nhất thế giới với 429,7 triệu m³ (năm 2020).

- Trồng rừng ngày càng được chú trọng phát triển.

- Lâm nghiệp tập trung ở vùng núi Rốc-ki, ven vịnh Mê-hi-cô,..

c) Thủy sản

Khai thác thủy sản phát triển mạnh do có nguồn lợi thủy sản dồi dào, phương tiện và công nghệ khai thác hiện đại. Năm 2020, sản lượng thủy sản khai thác của Hoa Kỳ đạt 4,3 triệu tấn (đứng thứ sáu trên thế giới).

- Sản lượng thủy sản nuôi trồng còn thấp (0,5 triệu tấn) và đang có xu hướng tăng, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn, đồng thời giúp bảo vệ và duy trì nguồn lợi thủy sản tự nhiên.

2. Công nghiệp

◆ Hoa Kỳ là cường quốc công nghiệp của thế giới.

◆ Năm 2020, công nghiệp và xây dựng chiếm 18,4% GDP và thu hút khoảng 10% lực lượng lao động.

Cơ cấu công nghiệp đa dạng, trong đó nhiều ngành có trình độ khoa học - công nghệ và kỹ thuật cao, sản lượng đứng hàng đầu thế giới.

- Công nghiệp năng lượng:

+ Than chủ yếu khai thác ở khu vực phía đông (vùng núi A-pa-lát).

+ Dầu mỏ và khí tự nhiên khai thác chủ yếu ở bang Têch-dát, ven vịnh Mê-hi-cô, bán đảo A-la-xca.

+ Sản lượng điện của Hoa Kỳ đứng thứ hai thế giới với cơ cấu đa dạng: thủy điện, nhiệt điện, điện nguyên tử,...

+ Hoa Kỳ là quốc gia dẫn đầu thế giới về phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là năng lượng mặt trời.

Công nghiệp chế biến: có vai trò đặc biệt quan trọng, chiếm phần lớn trị giá xuất khẩu. Các ngành công nghiệp truyền thống có xu hướng giảm tỉ trọng; trong khi các ngành công nghiệp hiện đại với công nghệ cao đang được đầu tư phát triển mạnh và tăng tỉ trọng.

+ *Công nghiệp hàng không - vũ trụ* của Hoa Kỳ phát triển hàng đầu thế giới. Các sản phẩm nổi bật là máy bay, linh kiện, tàu vũ trụ, vệ tinh,... Các trung tâm ven vịnh Mê-hi-cô (Hao-xton, Đa-lát,...) và ven Thái Bình Dương (Lốt An-giơ-lét, Xít-ton,...) có công nghiệp hàng không - vũ trụ phát triển.

+ *Ngành điện tử - tin học* rất phát triển với các sản phẩm linh kiện điện tử, phần mềm, chất bán dẫn,... chiếm lĩnh thị trường thế giới; tập trung ở khu vực đông bắc và phía tây.

◆ Phạm vi phân bố:

- Hoạt động sản xuất công nghiệp tập trung mạnh nhất ở khu vực đông bắc.
- Từ cuối thế kỉ XX, có sự chuyển dịch dần sản xuất công nghiệp về các bang phía nam và ven Thái Bình Dương, hình thành Vành đai Mặt Trời

3. Dịch vụ

- Là ngành kinh tế có vai trò quan trọng nhất với quy mô và mức độ hiện đại đứng đầu thế giới.
- Năm 2020, khu vực dịch vụ chiếm 80,1% GDP và thu hút khoảng 80% lực lượng lao động.

Hoạt động dịch vụ đa dạng, bao gồm nhiều lĩnh vực, không chỉ ở trong nước mà còn mở rộng trên toàn thế giới.

a) Thương mại

◆ Nội thương:

- Quy mô đứng đầu thế giới.
- Thị trường nội địa có sức mua lớn, là động lực cho nền kinh tế.

◆ Ngoại thương

Hoa Kỳ là cường quốc về ngoại thương với tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 chiếm 10,7% toàn thế giới.

- Các mặt hàng xuất khẩu chính của Hoa Kỳ gồm: sản phẩm nông nghiệp (đậu tương, ngô, hoa quả,...), sản phẩm công nghiệp (hoá chất, máy móc, thiết bị giao thông, thiết bị thông tin, dược phẩm, hàng tiêu dùng,...).
- Các mặt hàng nhập khẩu chính gồm: sản phẩm nông nghiệp (thuỷ sản, hoa quả,...), nguyên liệu thô (dầu thô,...), thiết bị công nghiệp, hàng tiêu dùng...

b) Giao thông vận tải:

- Hệ thống giao thông vận tải hiện đại bậc nhất thế giới, trải rộng trên khắp lãnh thổ, phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

+ **Đường ô tô:** giữ vai trò chủ yếu trong vận chuyển bằng đường bộ; hệ thống đường cao tốc có chất lượng tốt, thuận lợi cho việc thông thương giữa các bang.

+ **Đường hàng không:** có số lượng sân bay nhiều nhất thế giới, các sân bay lớn nhất là Át-lan-ta, Si-ca-gô, Lốt An-giơ-lét, Đa-lát,...

+ **Đường sắt và tàu điện ngầm** rất phát triển, có chiều dài lớn nhất thế giới. Hệ thống đường sắt được tự động hoá cao và trải rộng khắp đất nước.

+ **Đường sông, hồ:** có trên 41 nghìn km, gồm ba hệ thống chính là hệ thống sông Mi-xi-xi-pi, hệ thống Ngũ Hồ và hệ thống các sông ven biển.

+ **Đường biển:** có vai trò quan trọng trong ngoại thương. Các cảng hoạt động nhộn nhịp nhất là Niu Oóc-lin, Lốt An-giơ-lét, Hao-xton, Niu Oóc,...

c) Tài chính ngân hàng

Hoa Kỳ là một trong những thị trường tài chính lớn nhất và có ảnh hưởng nhất thế giới. Ngành này chiếm hơn 20% GDP, thu hút khoảng 4% lực lượng lao động toàn quốc (năm 2020).

- Các tổ chức tài chính ngân hàng của Hoa Kỳ hoạt động rộng khắp thế giới, đem lại nguồn thu lớn và nhiều lợi thế cho kinh tế Hoa Kỳ.

Trung tâm tài chính quan trọng nhất của Hoa Kỳ là thành phố Niu Oóc.

d) Du lịch

- Du lịch là một trong những ngành dịch vụ quan trọng của Hoa Kỳ, phát triển nhờ nguồn tài nguyên du lịch phong phú, cơ sở vật chất cho du lịch có chất lượng cao, hiện đại.

- Năm 2019, Hoa Kỳ thu hút 79,4 triệu lượt khách du lịch quốc tế (đứng thứ ba thế giới). Doanh thu từ khách du lịch quốc tế đạt 193,3 tỉ USD (đứng đầu thế giới).

III. SỰ PHÂN HÓA LÃNH THỔ KINH TẾ

◆ Đất nước Hoa Kỳ được phân thành các khu vực kinh tế. Mỗi khu vực có đặc điểm nổi bật riêng biệt.

- **Khu vực kinh tế Đông Bắc**

- + Kinh tế phát triển sớm nhất và mạnh nhất ở Hoa Kỳ.
- + Công nghiệp dệt, luyện kim, hoá chất, chế tạo máy, đóng tàu,.. phát triển.
- + Tập trung nhiều công ty tài chính, bảo hiểm, thương mại, các cảng biển lớn nhất đất nước.
- + Các trung tâm kinh tế lớn trong vùng: Niu Oóc, Phi-la-đen-phi-a, Bô-xton,...

- Khu vực kinh tế Trung tâm

- + Kinh tế phát triển tương đối sớm.
- + Có các vành đai rau và chăn nuôi bò sữa ở phía nam Ngũ Hồ; vành đai ngô, lúa mì,... ở Đồng bằng Trung tâm.
- + Công nghiệp chế biến phát triển.
- + Nhiều trung tâm dịch vụ lớn của cả nước.
- + Các trung tâm kinh tế lớn trong vùng: Đi-troi, Si-ca gô, Can dát Xi-ti...

- Khu vực kinh tế phía Nam

- + Hoạt động kinh tế phát triển mạnh từ cuối thế kỉ XX với sự xuất hiện của Vành đai Mặt Trời.
- + Sản xuất các loại nông sản nhiệt đới và cận nhiệt đới.
- + Các ngành công nghiệp truyền thống là chế biến thực phẩm, sản xuất máy nông nghiệp, khai thác và chế biến dầu khí.... Các ngành công nghiệp hiện đại là hàng không - vũ trụ, điện tử - tin học....
- + Phát triển các lĩnh vực dịch vụ thông tin, phần mềm máy tính....
- + Các trung tâm kinh tế lớn trong vùng: Át-lan-ta, Hao-xton, Mai-a-mi...

- Khu vực kinh tế phía Tây

- + Phía tây nam là một trong những vùng sản xuất nông nghiệp hàng đầu của Hoa Kỳ. Phía tây bắc rất phát triển khai thác hải sản. Đồng bằng Lớn chăn nuôi bò thịt với quy mô lớn.

- + Từ giữa thế kỉ XX, công nghiệp phát triển nhanh ở các bang phía tây nam ven Thái Bình Dương. Đặc biệt, thung lũng Si-li-côn nổi tiếng với công nghệ thông tin.
- + Phát triển du lịch.
- + Các trung tâm kinh tế lớn trong vùng: Lốt An giơ lét, Xan Phran-xi-xcô, Xit-ton. Ngoài ra còn có các khu vực kinh tế: A-la-xca và Ha-oai.
- + Khu vực A-la-xca có hoạt động kinh tế chủ yếu là: khai thác dầu khí, đánh cá
- + Khu vực Ha-oai có du lịch là ngành kinh tế chính, ngoài ra còn phát triển trồng cây công nghiệp nhiệt đới.

BÀI 20:

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

LIÊN BANG NGA

Phạm vi lãnh thổ:

- + Là quốc gia có diện tích rộng lớn nhất thế giới (khoảng 17 triệu km²). Lãnh thổ bao gồm phần lớn đồng bằng Đông Âu và khu vực Bắc Á cùng phần lãnh thổ Ca-li-nin-grát, nằm biệt lập ở phía tây giữa Ba Lan và Lit-va.
- + Phần đất liền trải dài từ khoảng vĩ độ 41°B đến vĩ độ 77° B và từ khoảng kinh độ 169°T, đến kinh độ 27° Đ.
- + Đất liền trải dài trên nhiều múi giờ và nhiều đới khí hậu.

- Vị trí địa lí:

- + Nằm trên cả hai châu lục (châu Á và châu Âu).
- + Tiếp giáp với rất nhiều quốc gia (14 quốc gia) ở phía tây và phía nam; tiếp giáp Bắc Băng Dương ở phía bắc; Thái Bình Dương ở phía đông, với nhiều biển như: Cara, Baren, Ôkhốt,...

Ảnh hưởng: Do lãnh thổ rộng lớn, vị trí tiếp giáp với nhiều nước, nhiều biển và đại dương nên Liên bang Nga thuận lợi cho giao thương phát triển kinh tế, văn hóa song cũng nảy sinh những khó khăn về khai thác lãnh thổ và an ninh quốc phòng.

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

1. Địa hình và đất

a) Địa hình: Địa hình đa dạng, cao ở phía đông, thấp về phía tây. Sông I-ê-nít-xây chia lãnh thổ Liên bang Nga thành hai phần: phần phía Tây và phần phía Đông.

◆ Phần lãnh thổ phía Tây:

- Chủ yếu là địa hình đồng bằng và đồi núi thấp.

+ Đồng bằng Đông Âu tương đối cao, xen lẫn đồi thấp, có nhiều tiềm năng phát triển nông nghiệp, là nơi tập trung phần lớn dân cư.

Đồng bằng Tây Xi-bia thấp, có nhiều đầm lầy, không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp U-ran là dãy núi già có độ cao trung bình khoảng 1000 m, chia cắt đồng bằng Đông Âu và đồng bằng Tây Xi-bia, tạo nên ranh giới tự nhiên giữa châu Âu và châu Á.

◆ **Phần lãnh thổ phía Đông:** chủ yếu là núi, cao nguyên và các đồng bằng nhỏ. Đây là nơi không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp song có tài nguyên thiên nhiên phong phú và trữ năng thủy điện lớn.

b) Đất

- Có nhiều loại đất khác nhau, bao gồm: đất đài nguyên, đất pốt đôn, đất nâu xám, đất đen,...
=> Các loại đất thích hợp cho hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và phát triển rừng.

- Tuy nhiên, hơn 40% diện tích lãnh thổ Liên bang Nga thường xuyên nằm dưới lớp băng tuyết không thuận lợi canh tác

2. Khí hậu

◆ **Đặc điểm:** Liên bang Nga chủ yếu nằm trong đới khí hậu ôn đới và có sự phân hóa theo lãnh thổ.

- Phần lãnh thổ phía bắc (từ vòng cực Bắc trở lên): có khí hậu cận cực rất khắc nghiệt, mùa đông kéo dài, có nhiều tuyết.

Phần phía nam (từ vòng cực Bắc trở xuống): có khí hậu ôn đới, có thể chia thành ba vùng:

+ Vùng phía tây (đồng bằng Đông Âu) khí hậu ôn đới chịu ảnh hưởng của biển;

+ Vùng nội địa châu Á có khí hậu ôn đới lục địa;

+ Vùng ven Thái Bình Dương có khí hậu ôn đới gió mùa.

◆ Ảnh hưởng

- Tạo điều kiện cho Liên bang Nga có cơ cấu cây trồng, vật nuôi đa dạng, với nhiều loại nông sản đặc trưng của vùng ôn đới.

- Nhiều vùng rộng lớn có khí hậu giá lạnh, khắc nghiệt, không thuận lợi cho hoạt động kinh tế và sinh sống của dân cư.

3. Sông, hồ

◆ Đặc điểm

- Sông:

+ Mạng lưới sông khá phát triển, có nhiều hệ thống sông lớn trên thế giới.

+ Các sông lớn là: sông Von-ga, Ô-bi, I-ê-nít-xây, Lê-na...

+ Phần lớn các sông đều bắt nguồn từ vùng núi nam Xi-bia rồi chảy về hướng bắc.

- Có nhiều hồ lớn, trong đó hồ Bai-can là hồ sâu nhất thế giới và là hồ chứa nước ngọt lớn nhất hành tinh.

◆ Ảnh hưởng:

- Các sông có giá trị về nhiều mặt giao thông đường thủy, thủy điện, cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất, đồng thời là nguồn cung cấp thủy sản quan trọng. Tuy nhiên, vào mùa đông một số sông bị đóng băng trong thời gian dài nên giao thông đường sông bị hạn chế.

- Các hồ ở Liên bang Nga có giá trị về thủy sản, du lịch và bảo vệ tự nhiên.

4. Sinh vật: Tài nguyên sinh vật rất đa dạng và phân hóa theo vùng.

- Diện tích rừng đứng đầu thế giới, chiếm khoảng 20% diện tích rừng thế giới (2020).

+ Rừng lá kim (tai-ga), chiếm khoảng 60% diện tích rừng cả nước, tập trung nhiều nhất ở vùng Xi-bia và phía bắc châu Âu. Thực vật chính của rừng tai-ga là cây lá kim như: vân sam, thông, tùng rụng lá,... Trong rừng có nhiều loài động vật như: gấu nâu, nai sừng tấm và rất nhiều loài chim.

+ Ngoài ra, ở Nga còn có rừng lá rộng ở phía đông nam với hệ động thực vật phong phú.

- Thảo nguyên ở phía nam đồng bằng Tây Xi-bia có các loại cỏ chiếm ưu thế, thuận lợi phát triển chăn nuôi.

- Đới nguyên lạnh giá phía bắc có nhiều loài động vật như gấu trắng, hải cẩu, tuần lộc.

5. Khoáng sản

- Đặc điểm:

+ Giàu tài nguyên khoáng sản, bao gồm: khoáng sản năng lượng, kim loại, phi kim loại.

+ Nhiều loại khoáng sản có trữ lượng hàng đầu thế giới, như: dầu mỏ và khí tự nhiên (tập trung nhiều nhất ở đồng bằng Tây Xi-bia); Than (tập trung nhiều ở dãy U-ran và phía đông)....

- Ảnh hưởng:

+ Tài nguyên khoáng sản giàu có là cơ sở nguyên liệu để phát triển các ngành công nghiệp và thúc đẩy hoạt động ngoại thương.

+ Nhiều loại khoáng sản của Liên bang Nga ảnh hưởng lớn tới nguồn cung nguyên liệu toàn cầu, đồng thời làm tăng vị thế của nước Nga trên thế giới.

+ Liên bang Nga cũng gặp những khó khăn trong việc khai thác và tiêu thụ các nguồn tài nguyên khoáng sản do nhiều loại khoáng sản nằm ở những nơi có địa hình phức tạp hoặc những vùng có khí hậu khắc nghiệt.

. Biển

- Tổng chiều dài đường bờ biển khoảng 37000 km, dài thứ ba trên thế giới.

- Có nhiều biển lớn như biển Baren, biển Cara, biển Ôkhốt,...
- Tài nguyên sinh vật biển phong phú với các loài có giá trị kinh tế cao thuộc vùng biển lạnh như: cá hồi, cá thu, cá trích,...
- Nhiều vùng biển, nhất là vùng biển phía đông nam có tiềm năng phát triển ngành khai thác thủy sản, phát triển giao thông vận tải biển, thương mại và du lịch biển.
- Vùng biển và thềm lục địa có trữ lượng lớn dầu mỏ và khí tự nhiên.
- Vùng biển phía bắc có thời gian đóng băng kéo dài trong năm gây khó khăn cho hoạt động giao thông vận tải.

III. Dân cư và xã hội

1. Dân cư

◆ Đặc điểm

- **Quy mô dân số:** là nước đông dân, đứng thứ 9 thế giới (năm 2020).
- **Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên:** thấp (khoảng 0.05% trong giai đoạn 2015 – 2020).
- **Thành phần dân cư:** là quốc gia đa dân tộc với khoảng hơn 100 dân tộc.
 - + Hơn 80% dân số là người Nga.
 - + Một số dân tộc khác: Tác-ta; U-crai-na; Kats-xki-a; Chu-vát,...
- **Cơ cấu dân số:**
 - + Cơ cấu dân số già: nhóm từ 65 tuổi trở lên chiếm 15,5% tổng số dân (năm 2020), tỉ suất tử thô cao.
 - + Liên bang Nga có số nữ nhiều hơn số nam, đặc biệt ở các nhóm tuổi cao

Mật độ dân số:

- + Mật độ dân số trung bình rất thấp, chỉ khoảng 9 người/km (năm 2020).

+ Dân cư phân bố không đều: khoảng 75% dân cư sống tập trung ở phần lãnh thổ phía tây dãy U-ran (phần châu Âu thuộc Nga), trong khi ở các vùng phía bắc và phía đông (như Xi-bia, Viễn Đông) dân cư rất thưa thớt, nhiều vùng gần như không có người ở.

- Vấn đề đô thị hóa:

+ Tỷ lệ dân thành thị cao, khoảng 74,8% năm 2020.

+ Các đô thị phần lớn thuộc loại nhỏ và trung bình. Mát-xcơ-va và Xanh Pê-téc-bua là các đô thị lớn nhất **Ảnh hưởng:**

- Do tỉ suất sinh thấp, cơ cấu dân số già nên vấn đề thiếu hụt lao động trở thành thách thức.

- Dân cư phân bố không đều dẫn đến sự phát triển kinh tế không đều giữa các vùng, những vùng dân cư đông đúc là nơi có kinh tế phát triển, ngược lại khu vực thưa dân lại kém phát triển.

- Các đô thị là những trung tâm chính trị, tài chính, công nghiệp, dịch vụ và giao thông vận tải của cả nước.

2. Xã hội

- Sự đa dạng về dân tộc, sắc tộc đã tạo nên một nền văn hóa Nga đa dạng, độc đáo. Tôn giáo chủ yếu là Chính thống giáo, ngoài ra còn có các tôn giáo khác như Hồi giáo, Phật giáo....

- Nước Nga có nền văn hóa lớn, phát triển lâu đời, với nhiều đóng góp cho văn hóa nhân loại như: các công trình kiến trúc, tác phẩm văn học, hội họa, âm nhạc, vũ điệu, công trình khoa học (toán, hoá học, vũ trụ), thành tựu về quân sự....

- Chất lượng cuộc sống của người dân Nga được cải thiện đáng kể.

- Người dân Liên bang Nga có trình độ học vấn cao.

+ Liên bang Nga là quốc gia đứng hàng đầu thế giới về các ngành khoa học cơ bản với nhiều trường đại học danh tiếng.

+ Nền tảng khoa học - công nghệ lâu đời là điều kiện thuận lợi cho Liên bang Nga phát triển kinh tế và thu hút đầu tư của nước ngoài.

- Liên bang Nga đang phải đối mặt với nhiều thách thức như sự phân hóa trình độ phát triển kinh tế giữa các khu vực, nhiều vấn đề xã hội phức tạp...

BÀI 21: KINH TẾ LIÊN BANG NGA

I. Tình hình phát triển kinh tế

- Quy mô GDP khá lớn, năm 2020 đạt khoảng 1,5 nghìn tỉ USD (chiếm khoảng 1,7% GDP toàn cầu).
- Tốc độ tăng trưởng GDP không ổn định.
- Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng các ngành dịch vụ và các ngành có hàm lượng khoa học - kỹ thuật cao.

II. Các ngành kinh tế

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

- Có vai trò quan trọng trong nền kinh tế Liên bang Nga:
 - + Góp phần khai thác hiệu quả các tài nguyên đất, nước, khí hậu... của đất nước;
 - + Cung cấp lương thực, thực phẩm cho thị trường trong nước và thế giới;
 - + Góp phần bảo vệ môi trường,...
- Năm 2020, ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đóng góp 4,0% GDP và thu hút khoảng 6% lực lượng lao động.

a) Nông nghiệp

- Đầu tư, áp dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất... để mang lại hiệu quả cao.
- Sản xuất nông nghiệp phát triển ở đồng bằng Đông Âu, phía đông nam...
- **Trồng trọt:**

+ Chiếm khoảng 40% giá trị sản xuất nông nghiệp.

+ Các cây trồng chính là cây lương thực (lúa mì, ngô, khoai tây,...), cây công nghiệp (củ cải đường, thuốc lá, hướng dương,...) và cây ăn quả.

+ Đồng bằng Đông Âu là vùng trồng trọt chính của nước Nga.

- **Chăn nuôi:** khá phát triển, các vật nuôi chủ yếu là lợn, bò, cừu và một số vật nuôi đặc trưng xứ lạnh như hươu, tuần lộc.

b) Lâm nghiệp

- Năm 2020, Liên bang Nga có diện tích rừng lớn nhất thế giới, khoảng 815 triệu ha, chiếm gần 50% diện tích lãnh thổ.

- Ngành khai thác và chế biến lâm sản hằng năm đem lại nguồn thu đáng kể.

+ Năm 2020, sản lượng gỗ tròn khai thác đạt 217,0 triệu m³, đứng thứ tư trên thế giới.

+ Gỗ và các sản phẩm từ gỗ là một trong những mặt hàng xuất khẩu chính của Liên bang Nga.

c) Thủy sản

- Ngành khai thác thủy sản:

+ Có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển, như: giáp nhiều biển và đại dương, nhiều hệ thống sông, hồ lớn....

+ Năm 2020, sản lượng thủy sản khai thác của Liên bang Nga chiếm 6,1% tổng sản lượng thủy sản khai thác toàn thế giới và trở thành nước xuất khẩu thủy sản lớn

+ Tập trung chủ yếu ở ngư trường Viễn Đông, ngư trường phía Nam và vùng biển Caxpi,....

- Ngành nuôi trồng thủy sản: có sản lượng ngày càng tăng nhưng tỉ trọng còn nhỏ trong tổng sản lượng thủy sản.

- Một số sản phẩm thủy sản có sản lượng lớn và giá trị kinh tế cao ở Liên bang Nga là: cá hồi, cá thu, cá trích, cá tuyết,...

2. Công nghiệp

◆ **Tình hình phát triển:**

Giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế Liên bang Nga. Năm 2020, công nghiệp và xây dựng chiếm 30% GDP và thu hút khoảng 27% lực lượng lao động.

- Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng, các ngành công nghiệp chính là: năng lượng chế tạo, luyện kim...

- Sự phân bố các ngành công nghiệp thể hiện sự chuyên môn hóa:

+ Các ngành khai thác, sơ chế phân bố ở miền Đông;

+ Miền Tây tập trung các ngành chế biến và các ngành công nghệ cao.

+ Các trung tâm công nghiệp lớn tập trung ở: đồng bằng Đông Âu, U-ran, Tây Xi-bia và dọc các đường giao thông quan trọng.

◆ **Một số ngành công nghiệp chính**

- **Công nghiệp năng lượng** có vai trò quan trọng trong nền kinh tế Liên bang Nga.

+ Năm 2020, Liên bang Nga là nhà sản xuất dầu mỏ và khí tự nhiên lớn thứ hai thế giới. Ngành này tập trung chủ yếu ở vùng U-ran và Tây Xi-bia.

+ Liên bang Nga đứng thứ năm trên thế giới về sản lượng khai thác than, chiếm 5,2% sản lượng than toàn cầu. Các mỏ than có sản lượng khai thác cao nhất tập trung ở Xi-bia và Viễn Đông.

+ Công nghiệp sản xuất điện có cơ cấu ngành đa dạng dựa trên nguồn nguyên liệu dồi dào, bao gồm: thủy điện, nhiệt điện, điện nguyên tử, năng lượng tái tạo khác.... Sản lượng điện ngày càng tăng, chiếm khoảng 4% sản lượng điện toàn thế giới (năm 2020) và đứng thứ tư thế giới. Các nhà máy nhiệt điện lớn phân bố ở vùng Trung ương, U-ran và Tây Xi-bia.

Công nghiệp chế tạo:

+ Là động lực phát triển của nền kinh tế Nga.

+ Một số sản phẩm quan trọng như: tàu vũ trụ, tên lửa, máy bay, tàu ngầm, tàu phá băng, ô tô, động cơ, máy công cụ, máy kéo....

- **Công nghiệp luyện kim:** có lịch sử lâu đời; trong đó, sản xuất thép là lĩnh vực quan trọng

nhất. Sản lượng thép liên tục tăng, chiếm 3,8% sản lượng thép toàn thế giới

3. Dịch vụ

- Ngày càng giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế Liên bang Nga, chiếm 56,3% trong GDP và thu hút 67,3% lực lượng lao động (năm 2020).

- Các ngành dịch vụ phát triển đa dạng theo hướng hiện đại hoá.

- Các trung tâm dịch vụ lớn như: Mát-xcơ-va, Xanh Pê-téc-bua... đồng thời là các đô thị lớn.

Một số ngành dịch vụ nổi bật của Liên bang Nga là thương mại, giao thông vận tải du lịch và tài chính ngân hàng.

a) Thương mại

- **Nội thương** phát triển

+ Hàng hóa trên thị trường phong phú, chất lượng sản phẩm tăng;

+ Giá trị buôn bán, trao đổi ngày càng lớn;

+ Hệ thống bán buôn, bán lẻ phát triển rộng khắp với nhiều hình thức...

- **Ngoại thương:**

+ Là một trong những nước xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ lớn trên thế giới và luôn xuất siêu.

+ Các mặt hàng xuất khẩu chính gồm: dầu mỏ, khí tự nhiên, kim loại, hóa chất, thực phẩm và gỗ.... Các mặt hàng nhập khẩu chính gồm: máy móc và thiết bị, ô tô, rau quả, hàng dệt may...

+ Các đối tác thương mại chính của Liên bang Nga là: Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, một số nước Đông Nam Á,..

b) Giao thông vận tải

- Mạng lưới giao thông phát triển, với đầy đủ các loại hình giao thông, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, văn hóa trong nước cũng như giữa nước Nga và các nước trên thế giới. Mát-xcơ-va là đầu mối giao thông vận tải lớn nhất cả nước.

+ Là một trong những nước có mạng lưới **đường sắt** dài nhất thế giới với hơn 87000 km. Hệ thống tàu điện ngầm của Liên bang Nga rất phát triển, nhất là ở Mát-xcơ-va.

+ **Đường bộ** có tổng chiều dài trên 1 triệu km, với nhiều hệ thống đường cao tốc liên bang, phát triển ở khu vực phía tây.

+ **Đường sông** có tổng chiều dài trên 100 nghìn km với mạng lưới kênh đào nổi lưu vực các sông lớn, chủ yếu trên phần nước Nga thuộc châu Âu, nhất là trên sông Von-ga.

+ Giao thông vận tải **đường biển** khá phát triển, các cảng lớn và quan trọng gồm: Xanh Pê-téc-bua, Vla-đi vô-xtôc, Ma-ga-đan,...

+ **Đường ống** được phát triển rất mạnh. Tổng chiều dài đường ống lớn thứ hai thế giới để vận chuyển dầu mỏ và khí tự nhiên không chỉ trong lãnh thổ mà còn đi đến các nước khác, nhất là các nước châu Âu...

+ **Đường hàng không** cũng phát triển. Năm 2020, Liên bang Nga có trên 1200 sân bay, nhiều sân bay lớn như: She-re-met-ye-vô, Pun-cô-vô, Khơ-ra-brô-vô, Đô-mô-đê đô vô,...

c) Du lịch

- Tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa phong phú, độc đáo, giàu bản sắc với nhiều di sản tự nhiên và văn hóa thế giới, tạo điều kiện cho Liên bang Nga trở thành điểm đến hấp dẫn đối với khách du lịch.

- Năm 2019, Liên bang Nga đón 24,6 triệu khách du lịch quốc tế, doanh thu đạt 11 tỉ USD.

- Mát-xcơ-va và Xanh Pê-téc-bua là các trung tâm du lịch lớn nhất của nước Nga.

- Các địa điểm du lịch nổi tiếng như: hồ Bai-can, nhà thờ chính tòa Thánh Ba-sin, Cung điện Crem-lin,...

d) Tài chính ngân hàng

- Tài chính ngân hàng của Liên bang Nga phát triển đa dạng với nhiều hoạt động như thị trường trái phiếu, chứng khoán, tín dụng... thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

- Các trung tâm tài chính quan trọng là: Mát-xcơ-va, Xanh Pê-téc-bua,...

III. Một số vùng kinh tế

◆ Liên bang Nga có 12 vùng kinh tế. Mỗi vùng có nguồn lực phát triển, các ngành kinh tế trọng điểm,... khác nhau.

◆ Các vùng kinh tế quan trọng của Liên bang Nga là: vùng Trung ương, vùng Trung tâm đất đen, vùng U-ran và vùng Viễn Đông.

- Vùng Trung ương:

+ Diện tích: 482,3 nghìn km².

+ Nằm ở trung tâm phần châu Âu của Liên bang Nga.

+ Là vùng kinh tế lâu đời, phát triển nhất. Các ngành công nghiệp chủ yếu là dệt may, hóa chất và chế tạo máy.

+ Các thành phố lớn: Mát-xcơ-va, Xmô-len, Tu-la,...

- Trung tâm đất đen:

+ Diện tích: 167 nghìn km².

+ Là vùng tập trung dải đất đen phì nhiêu, nguồn nước dồi dào. Hoạt động kinh tế chính là nông nghiệp và các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp.

+ Các thành phố lớn: Vô-rô-ne-giơ, Bê-gô-rôt,...

- Vùng U-ran:

+ Diện tích: 832,3 nghìn km².

+ Rất giàu khoáng sản như than đá, sắt, kim cương, vàng, đồng. Các ngành công nghiệp phát triển là khai thác khoáng sản, luyện kim, cơ khí, hóa chất, chế biến gỗ. Nông nghiệp còn hạn chế.

+ Các thành phố lớn: Ê-ca-tê-rin-bua, Ma-nhi-tơ-giơc....

- Vùng Viễn Đông:

+ Diện tích: 6900 nghìn km².

+ Giàu tài nguyên thiên nhiên, nhất là than và rừng. Các hoạt động kinh tế chính là khai thác khoáng sản, khai thác gỗ, đóng tàu, cơ khí, khai thác và chế biến thủy sản.

+ Các thành phố lớn: Vla đi vô-xtôc, Kha-ba-rốp,....

